

Số: **373/2020/QĐST-HNGĐ**

Tân phú, ngày 12 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 309/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Hữu H Sinh năm: 1990;

Địa chỉ : 143/37/5 G, phường T, quận T, Thành phố H;

- Bà Nguyễn Minh T Sinh năm: 1992;

Địa chỉ : 60 Đường L, khu phố N, phường B, quận B, Thành phố H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Minh T.

[2] Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Hữu P sinh ngày 14/6/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành;

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có;

[4] Về lệ phí Tòa án là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Minh T chịu, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông H, bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020828 ngày 15/5/2020 của chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố H. Ông H, bà T đã nộp đủ;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Minh T. Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T theo giấy chứng nhận

kết hôn số 247 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H cấp ngày 11/8/2017 chấm dứt kể từ ngày Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật;

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Hữu P sinh ngày 14/6/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Hoàng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Hoàng.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông H hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con, mà ông H chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Minh T chịu, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do ông H và bà T nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020828 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND Q. T;
- UBND phường T, quận T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Vi)

THẨM PHÁN

Phan Huỳnh Hoàng Phương